

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29-07-2020

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Đức Lý

2. Ông Lê Phúc Tiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2020/HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Chí L – sinh năm: 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: 07 T, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H – sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 327/28 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1]. Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lương Thị Chí L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Thành, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/7/2014. Quá trình chung sống, giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông H đi ngoại tình với người phụ nữ khác không quan tâm đến gia đình. Vào đầu năm 2018 tôi bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chúng tôi không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng

không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng nên đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Văn H.

-Về con chung: Tôi và ông Trần Văn H không có con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông Trần Văn H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].Đối với bị đơn ông Trần Văn H: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập họp lệ nhưng ông H không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lương Thị Chí L vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông Trần Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lương Thị Chí L và bị đơn ông Trần Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập họp lệ ông Trần Văn H nhưng ông H không lên Tòa án làm việc mà chỉ có bà Lương Thị Chí L lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai của ông Trần Văn H cũng như tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết: Quá trình chung sống vợ chồng giữa ông H và bà L có xảy ra mâu thuẫn, ông H làm lái xe đường dài thi thoảng về thăm gia đình. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về nội dung: Nguyên đơn bà Lương Thị Chí L và bị đơn ông Trần Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại theo quy định của pháp luật vào ngày 01/07/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là hoàn toàn tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Bà L, ông H đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành và tiếp tục mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy bà Lương Thị Chí L và ông Trần Văn H sống chung có mâu thuẫn xảy ra nên cần chấp đơn ly hôn của bà Lương Thị Chí L và cho bà Lương Thị Chí L được ly hôn với ông Trần Văn H.

-Về con chung: Bà Lương Thị Chí L và ông Trần Văn H không có con chung nên không đề cập giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Lương Thị Chí L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lương Thị Chí L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lương Thị Chí L được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Bà Lương Thị Chí L và ông Trần Văn H không có con chung nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Lương Thị Chí L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà L đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0007462 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Ông Trần Văn H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND P. Tân Thành
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Vĩ

